

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2009  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2009**

## MỤC LỤC

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 22

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009.

### **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đinh Văn Vi	Chủ tịch
Ông Trần Văn Thạnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Bộ	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 28/3/2009)
Ông Nguyễn Ngọc Thịnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Dân	Ủy viên
Ông Trần Ngọc Anh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 28/3/2009)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trần Văn Thạnh	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Xuân Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Trần Văn Thạnh**  
**Tổng Giám đốc**

*Hưng Yên, ngày 24 tháng 7 năm 2009*

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi:**           **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 06 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 không có số liệu so sánh của cùng kỳ kế toán năm trước.

---

**Đặng Chí Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ KTV số Đ.0030/KTV

---

**Phạm Nam Phong**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ KTV số 0929 /KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2009*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009

**MẪU B 01-DN**  
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2009	31/12/2008
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>681.701.371.222</b>	<b>687.565.073.190</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>222.466.570.648</b>	<b>89.616.330.369</b>
1. Tiền	111		49.766.986.337	47.616.330.369
2. Các khoản tương đương tiền	112		172.699.584.311	42.000.000.000
<b>II- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>240.849.302.362</b>	<b>342.005.478.082</b>
1. Phải thu khách hàng	131		139.491.707.992	81.184.849.116
2. Trả trước cho người bán	132		98.203.551.186	256.599.095.793
3. Các khoản phải thu khác	135	5	8.749.639.921	8.612.652.505
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5.595.596.737)	(4.391.119.332)
<b>III- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>193.662.079.167</b>	<b>243.655.983.725</b>
1. Hàng tồn kho	141	6	193.662.079.167	243.655.983.725
<b>IV- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>24.723.419.045</b>	<b>12.287.281.014</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.659.387.434	11.590.386.904
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	8.064.031.611	696.894.110
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+250+260)	<b>200</b>		<b>725.332.332.485</b>	<b>334.812.696.502</b>
<b>I- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>713.585.358.199</b>	<b>322.404.782.566</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	134.815.055.996	148.557.695.421
- Nguyên giá	222		301.175.468.610	298.649.674.265
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(166.360.412.614)	(150.091.978.844)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	578.770.302.203	173.847.087.145
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>III- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.746.974.286</b>	<b>11.407.913.936</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	10.120.571.947	10.084.548.301
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	626.402.339	1.323.365.635
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.407.033.703.707</b>	<b>1.022.377.769.692</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009

**MẪU B 01-DN**  
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2009	31/12/2008
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>955.425.930.895</b>	<b>663.797.073.621</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>421.886.228.357</b>	<b>342.218.300.379</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	303.301.342.435	251.464.249.657
2. Phải trả người bán	312		43.438.102.419	37.279.434.936
3. Người mua trả tiền trước	313		26.759.026.811	6.613.609.806
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	25.580.131.410	23.846.966.854
5. Phải trả người lao động	315		3.166.582.380	3.027.756.919
6. Chi phí phải trả	316		6.616.133.707	4.456.395.631
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		6.529.039.195	10.092.046.003
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	15	6.495.870.000	5.437.840.573
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>533.539.702.538</b>	<b>321.578.773.242</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	533.227.743.825	320.929.492.501
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	17	-	326.743.428
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		311.958.713	322.537.313
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>348.347.713.112</b>	<b>269.461.636.371</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>338.575.909.157</b>	<b>269.084.221.630</b>
1. Vốn điều lệ	411	18	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	131.940.000	131.940.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.699.192.837	1.502.982.837
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	18	34.075.914.369	2.315.236.152
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	18	9.222.400.955	2.503.617.365
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	141.446.460.996	112.630.445.276
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>9.771.803.955</b>	<b>377.414.741</b>
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		9.686.186.289	291.797.075
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		85.617.666	85.617.666
<b>C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>103.260.059.700</b>	<b>89.119.059.700</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>1.407.033.703.707</b>	<b>1.022.377.769.692</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	30/06/2009	31/12/2008
1. Vật tư, hàng hoá nhận gia công	77.621.602.712	68.365.632.000

Hưng Yên, ngày 24 tháng 7 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Thị Tuyết Dung

Nguyễn Hoàng Ngân

Trần Văn Thạnh

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009

**MẪU B 02-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	844.878.925.642
2 Các khoản giảm trừ	02	19	7.868.158.410
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		837.010.767.232
4 Giá vốn hàng bán	11	20	671.613.632.940
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>165.397.134.292</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	566.369.848
7 Chi phí tài chính	22	22	16.410.178.402
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.551.688.774
8 Chi phí bán hàng	24		12.147.190.789
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.309.618.367
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>130.096.516.582</b>
11 Thu nhập khác	31		394.175.879
12 Chi phí khác	32		69.539.405
<b>13 Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	23	<b>324.636.474</b>
<b>14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>130.421.153.056</b>
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	16.639.245.661
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	370.219.868
<b>17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>113.411.687.527</b>
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	7.561

Hưng Yên, ngày 24 tháng 7 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

**Đặng Thị Tuyết Dung**

**Nguyễn Hoàng Ngân**

**Trần Văn Thạnh**

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009

**MẪU B 03-DN**

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>130.421.153.056</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		
- Khấu hao tài sản cố định	02	16.224.872.984
- Các khoản dự phòng	03	2.262.506.832
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(566.369.848)
- Chi phí lãi vay	06	(7.551.688.774)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>140.790.474.250</b>
- Giảm các khoản phải thu	09	227.346.802.063
- Giảm hàng tồn kho	10	49.993.904.558
- Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.036.376.362)
- Giảm chi phí trả trước	12	1.031.159.518
- Tiền lãi vay đã trả	13	(8.196.725.491)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.272.405.177)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	13.824.121
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(11.982.050.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>386.688.607.480</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(509.373.958.303)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(509.373.958.303)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	13.733.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	999.798.281.495
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(735.662.937.393)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(22.332.753.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>255.535.591.102</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>132.850.240.279</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>89.616.330.369</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>222.466.570.648</b>

Hưng Yên, ngày 24 tháng 7 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Thị Tuyết Dung

Nguyễn Hoàng Ngân

Trần Văn Thạnh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009*

**Thông tin bổ sung**

Tiền trả trước cho người bán trong kỳ từ 01 tháng 01 năm 2009 để phục vụ cho hoạt động xây dựng cơ bản với giá trị khoảng 85 tỷ đồng được phản ánh vào khoản mục Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ trong phần Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư.

Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ từ 01 tháng 01 năm 2009 đến 30 tháng 6 năm 2009 không bao gồm số tiền khoảng 27 tỷ đồng, là số tiền dùng để chi cho hoạt động xây dựng cơ bản phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu được từ phát hành cổ phiếu của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà trong kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2009 đến 30 tháng 6 năm 2009 với số tiền 13.733.000.000 đồng được phản ánh vào khoản mục Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh.

*Hưng Yên, ngày 24 tháng 7 năm 2009*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**Đặng Thị Tuyết Dung**

**Nguyễn Hoàng Ngân**

**Trần Văn Thạnh**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1748/QĐ-BXD ngày 26/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Nhà máy Thép Việt-Ý thuộc Công ty Sông Đà 12 - Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0503000036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 20/02/2004, thay đổi lần 9 ngày 01/03/2008.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc Công ty tại ngày 30/06/2009 bao gồm:

- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý tại Hà Nội;
- Chi nhánh Tây Bắc - Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý tại Đà Nẵng

Công ty con của Công ty tại ngày 30/6/2009 bao gồm Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà. Mô tả chi tiết về công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 10.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2009 là 387 người (tại 31/12/2008 là 389 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm thép có thương hiệu thép Việt-Ý (VIS); sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị phụ tùng phục vụ cho ngành thép; kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất và tiêu thụ các loại thép cuộn từ  $\phi 6$  -  $\phi 8$  và thép thanh từ D10 đến D40.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do công ty kiểm soát (công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty con với Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

**Thời gian khấu hao**

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	4
Phương tiện vận tải	8

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị Thương hiệu Sông Đà và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hoá được chuyển sang người mua đồng thời Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 6868 BKH/DN ngày 11/10/2001 và Công văn số 4763 BKH/PTDN ngày 30/07/2004 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Hiện tại, Công ty đang được hưởng ưu đãi cho doanh nghiệp cổ phần mới thành lập bao gồm việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong 2 năm tiếp theo. Đồng thời, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm theo điều kiện ưu đãi đối với doanh nghiệp thực hiện niêm yết trên thị trường chứng khoán (Công ty dự kiến sẽ áp dụng mức ưu đãi trong năm 2008 và 2009). Theo đó, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong các năm từ 2006 đến năm 2009.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/06/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.590.271.996	5.414.152.168
Tiền gửi ngân hàng	48.176.714.341	39.253.409.201
Tiền đang chuyển	-	2.948.769.000
Các khoản tương đương tiền (*)	172.699.584.311	42.000.000.000
	<b>222.466.570.648</b>	<b>89.616.330.369</b>

(\*): Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nhỏ hơn 3 tháng.

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>30/06/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (*)	4.000.000.000	4.000.000.000
Phải thu khác	4.749.639.921	4.612.652.505
	<b>8.749.639.921</b>	<b>8.612.652.505</b>

(\*) Tiền góp vốn của cán bộ công nhân viên Công ty (ủy quyền cho Công ty) đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí.

**6. HÀNG TỒN KHO**

	<b>30/06/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	4.949.418.193	11.009.649.639
Nguyên liệu, vật liệu	100.159.361.561	172.465.303.865
Công cụ, dụng cụ	327.409.250	196.114.243
Thành phẩm	87.298.301.803	56.931.643.581
Hàng gửi đi bán	927.588.360	3.053.272.397
	<b>193.662.079.167</b>	<b>243.655.983.725</b>

**7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	1.199.010.686	696.894.110
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.865.020.925	-
	<b>8.064.031.611</b>	<b>696.894.110</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2009	52.554.654.108	232.411.723.701	313.299.695	13.369.996.761	298.649.674.265
Tăng trong kỳ	-	25.000.000	103.631.964	2.397.162.381	2.525.794.345
Mua trong kỳ	-	25.000.000	103.631.964	2.397.162.381	2.525.794.345
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2009</b>	<b>52.554.654.108</b>	<b>232.436.723.701</b>	<b>416.931.659</b>	<b>15.767.159.142</b>	<b>301.175.468.610</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2009	17.156.027.363	127.912.575.352	191.814.453	4.831.561.676	150.091.978.844
Tăng trong kỳ	3.045.398.004	12.165.930.842	41.098.552	1.016.006.372	16.268.433.770
Khấu hao trong kỳ	3.045.398.004	12.165.930.842	41.098.552	1.016.006.372	16.268.433.770
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2009</b>	<b>20.201.425.367</b>	<b>140.078.506.194</b>	<b>232.913.005</b>	<b>5.847.568.048</b>	<b>166.360.412.614</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 30/06/2009	32.353.228.741	92.358.217.507	184.018.654	9.919.591.094	134.815.055.996
Tại 01/01/2009	35.398.626.745	104.499.148.349	121.485.242	8.538.435.085	148.557.695.421

Tại ngày 30/6/2009, giá trị còn lại của nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc thiết bị đã thế chấp để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn ngân hàng là 109.720.234.379 đồng.

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 VND
Tại ngày 01 tháng 01	173.847.087.145
Tăng	404.923.215.058
Kết chuyển sang tài sản cố định	
<b>Tại ngày 30 tháng 6 (*)</b>	<b>578.770.302.203</b>

(\*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm 30/6/2009 của Công ty chủ yếu là giá trị công trình đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất phôi thép tại Hải Phòng công suất 400.000 tấn/năm, với tổng mức vốn đầu tư điều chỉnh là 964.523.000.000 đồng.

Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, chi phí xây dựng cơ bản dở dang (bao gồm toàn bộ chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà phát sinh trong giai đoạn từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 với số tiền khoảng 6,8 tỷ đồng, lũy kế đến 30/6/2009 khoảng 16,7 tỷ đồng và chi phí ban quản lý dự án lũy kế đến ngày 30/6/2009) được tập hợp theo từng hạng mục đến ngày 30/6/2009 và cho đến khi hoàn thành dự án sẽ không vượt quá dự toán và tổng mức đầu tư dự án điều chỉnh đã được phê duyệt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30/6/2009 như sau:

<b>Tên công ty con lập và hoạt động</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết</b>	<b>Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 30/06/2009</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà	Hải Phòng	51%	110.160.000.000	Sản xuất sắt, thép, gang; rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; bán buôn kim loại và quặng kim loại; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa.

Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà trước đây là Công ty TNHH MTV Luyện thép Hải Phòng, là đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý, do Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đầu tư 100% vốn. Công ty TNHH MTV Luyện thép Hải Phòng tiếp nhận vốn đầu tư của Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý để tiếp tục thực hiện dự án xây dựng Nhà máy thổi thép công suất 400.000 tấn/năm ở Hải Phòng. Nghị quyết số 02 CT/NQ-HĐQT ngày 18/3/2008 của ĐHCĐ bất thường bằng cách xin ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đã thông qua phương án chuyển đổi Công ty TNHH MTV Luyện thép Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà, kết hợp tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng, trong đó, Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý sẽ nắm giữ 51% vốn điều lệ của công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà. Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần ngày 16/6/2008.

**11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 30/6/2009 của Công ty là khoản tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí theo Quyết định số 555 CT/QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý ngày 25/09/2007. Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý với tư cách là cổ đông sáng lập, góp vốn theo tỷ lệ 1% vốn điều lệ, tương đương là 5 tỷ đồng, tương ứng với số lượng cổ phần đăng ký là 500.000 cổ phần, bao gồm 1 tỷ đồng là vốn góp của Công ty và 4 tỷ đồng là số tiền cán bộ công nhân viên Công ty ủy quyền cho Công ty góp vốn (xem thêm Thuyết minh số 5).

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 VND</b>
Tại ngày 1 tháng 1	10.084.548.301
Tăng trong kỳ	72.051.857
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	36.028.211
<b>Tại ngày 30 tháng 6 (*)</b>	<b>10.120.571.947</b>

(\*): Trong đó bao gồm giá trị “Thương hiệu Sông Đà” được xác định theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu năm 2008 của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà (công ty con của Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý) với giá trị bằng 5% vốn điều lệ ban đầu của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà tương đương 10 tỷ đồng. Giá trị này được xác định căn cứ vào thỏa thuận hợp đồng sử dụng Nhãn hiệu hàng hóa Sông Đà giữa Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà và Tổng Công ty Sông Đà. Giá trị này sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tiếp theo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>30/06/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Phố Nối	93.053.282.546	89.338.630.287
Ngân hàng Ngoại thương Hải Dương	106.832.269.566	128.925.023.816
Ngân hàng Công thương Hưng Yên	103.415.790.323	33.200.595.554
	<b>303.301.342.435</b>	<b>251.464.249.657</b>

Các khoản vay ngắn hạn được thực hiện dưới hình thức vay theo hạn mức tín dụng. Các khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc các ngoại tệ chuyên đổi khác, chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Lãi vay được trả hàng tháng theo thông báo lãi của các Ngân hàng. Các khoản vay này không có bảo đảm.

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>30/06/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	3.910.360.006	9.076.195.983
Thuế xuất, nhập khẩu	2.708.126.459	4.690.595.479
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.972.250.464	6.605.409.980
Thuế thu nhập cá nhân	369.014.804	957.510.461
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	9.363.539	-
Các loại thuế khác	3.609.219.338	2.515.458.151
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.796.800	1.796.800
	<b>25.580.131.410</b>	<b>23.846.966.854</b>

**15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Khoản dự phòng phải trả tại thời điểm 30/6/2009 phản ánh các khoản chi phí dự kiến Công ty phải thanh toán cho các khoản nghĩa vụ phải trả có gốc ngoại tệ, được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa tỷ giá thực tế dự kiến phải trả và tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc ghi nhận này là phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>30/06/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hưng Yên theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2001/HĐ ngày 28/08/2001. Nợ gốc khoản vay này sẽ được thanh toán 6 tháng một lần đến 30/10/2011. Lãi suất cho khoản vay này thay đổi hàng năm và được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau bình quân của Ngân hàng cộng (+) 2%/năm.	38.955.290.936	46.805.290.936
Các khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên theo hai hợp đồng - Hợp đồng tín dụng bổ sung với Ngân hàng Công thương Hưng Yên sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD giữa Ngân hàng Công thương Hưng Yên và Công ty Sông Đà 12. Nợ gốc khoản vay này sẽ được thanh toán 6 tháng một lần đến 11/9/2011. Lãi suất áp dụng cho khoản vay này thay đổi hàng năm và được xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cộng (+) 3,5%/năm. - Hợp đồng tín dụng số 300054100-02/HĐTD/Vietinbank-VIS tháng 11/2008 vay vốn đầu tư trạm khí hoá than thay thế dầu FO.	47.598.259.768	42.241.508.921
Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/VIS ngày 11/8/2007 để đầu tư cho dự án xây dựng Nhà máy Sản xuất phôi thép ở Hải Phòng như trình bày tại Thuyết minh số 9.	446.674.193.121	231.882.692.644
	<b>533.227.743.825</b>	<b>320.929.492.501</b>

Các khoản vay dài hạn đều được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Đối với khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/VIS ngày 11/8/2007, ngoài việc Bên vay phải thế chấp toàn bộ nhà máy sản xuất phôi thép của Dự án, Bên vay còn phải thế chấp quyền sử dụng đất nơi nhà máy sản xuất phôi thép tọa lạc và toàn bộ máy móc thiết bị, xe cộ, các công trình xây dựng và các bất động sản, động sản khác nằm trên hay liên quan đến nhà máy sản xuất phôi thép của Dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Bên vay, bao gồm cả quyền được nhận số tiền bảo hiểm từ tài sản này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**17. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ:

	<b>Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND</b>	<b>Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND</b>	<b>Tổng cộng  VND</b>
<b>Tại ngày 01/01/2009</b>	<b>528.144.549</b>	<b>468.477.658</b>	<b>996.622.207</b>
Kết chuyển sang lợi nhuận kinh doanh trong kỳ	98.257.790	(468.477.658)	(370.219.868)
<b>Tại ngày 30/6/2009</b>	<b>626.402.339</b>	<b>-</b>	<b>626.402.339</b>

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo chế độ kế toán của Công ty cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

	<b>30/06/2009 VND</b>	<b>31/12/2008 VND</b>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(326.743.428)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	626.402.339	1.323.365.635

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	<b>Vốn điều lệ (*) VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>
<b>Tại ngày 01/01/2008</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>131.940.000</b>	<b>154.546.794</b>	<b>1.407.990.383</b>	<b>21.552.539.648</b>
Trích lập các quỹ năm 2007			3.663.672.195	1.095.626.982	(6.552.539.648)
Thông báo cổ tức năm 2007					(15.000.000.000)
Lợi nhuận tăng trong năm					131.210.445.276
Thông báo cổ tức đợt 1 năm 2008					(15.000.000.000)
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2008					(3.580.000.000)
Mua sắm TSCĐ bằng quỹ đầu tư phát triển			(1.502.982.837)		
<b>Tại ngày 31/12/2008</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>131.940.000</b>	<b>2.315.236.152</b>	<b>2.503.617.365</b>	<b>112.630.445.276</b>
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận 2008			33.956.888.217	6.718.783.590	(62.095.671.807)
Thông báo cổ tức năm 2008					(22.500.000.000)
Lợi nhuận tăng trong kỳ					113.411.687.527
Mua sắm TSCĐ bằng quỹ đầu tư phát triển			(2.196.210.000)		
<b>Tại ngày 30/06/2009</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>131.940.000</b>	<b>34.075.914.369</b>	<b>9.222.400.955</b>	<b>141.446.460.996</b>

(\*) Vốn điều lệ bao gồm phần vốn góp giá trị “Thương hiệu Sông Đà” của Tổng Công ty Sông Đà, được xác định bằng 5% vốn điều lệ trong suốt thời gian hoạt động của Công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Giá trị “Thương hiệu Sông Đà” được chuyển đổi từ khoản nợ Công ty phải trả Tổng Công ty Sông Đà để sử dụng nhãn hiệu hàng hóa của Tổng Công ty Sông Đà theo Hợp đồng Sử dụng nhãn hiệu hàng hóa Tổng Công ty Sông Đà được ký với Tổng Công ty Sông Đà ngày 15/11/2005 với số tiền là 5 tỷ đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**b. Cổ tức và các quỹ**

Theo Nghị Quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2009, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đã quyết định thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2008, chi tiết như sau:

	<b>Số tiền VND</b>
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	6.718.738.590
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	25.000.000.000
Bổ sung Quỹ đầu tư phát triển	33.956.888.217
Trả cổ tức (25% đã tạm ứng 10% năm 2008)	37.500.000.000

**c. Số cổ phiếu đang lưu hành**

	<b>30/06/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	15.000.000	15.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**19. DOANH THU**

	<b>Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND</b>
<b>Doanh thu</b>	
Doanh thu bán hàng	803.210.045.600
Doanh thu hoạt động gia công	41.668.880.042
	<b>844.878.925.642</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	
Chiết khấu thương mại	6.832.537.410
Giảm giá hàng bán	-
Hàng bán bị trả lại	1.035.621.000
	<b>7.868.158.410</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND</b>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	661.481.089.342
Giá vốn của hoạt động gia công	10.132.543.598
	<b>671.613.632.940</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	566.369.848
	<b>566.369.848</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Lãi tiền vay (*)	7.551.688.774
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.345.441.385
Chi phí tài chính khác	2.513.048.243
	<b>16.410.178.402</b>

(\*) Lãi tiền vay trong kỳ được giảm trừ số tiền từ khoản ưu đãi hỗ trợ lãi suất đầu tư với giá trị là 2.585.824.000 đồng theo Hợp đồng hỗ trợ lãi suất sau đầu tư số 07/2004/HĐ/HTLS ngày 28/12/2004 với Chi nhánh Quý hỗ trợ phát triển Hưng Yên.

**23. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Thu nhập khác	394.175.879
Chi phí khác	69.539.405
Lợi nhuận từ hoạt động khác	<b>324.636.474</b>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>	
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>130.421.153.056</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	
Cộng: + Các khoản chi phí không được khấu trừ	632.946.105
+ Lãi chưa thực hiện	2.059.866.125
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>133.113.965.286</b>
Thuế suất thông thường	12,5%
Điều chỉnh theo quyết toán thuế năm 2007	
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>16.639.245.661</b>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại (xem Thuyết minh 17)</b>	<b>370.219.868</b>
<b>Cộng</b>	<b>17.009.465.529</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

**Từ 01/01/2009  
đến 30/06/2009  
VND**

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	113.411.687.527
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	7.561

**26. CÁC KHOẢN CAM KẾT KHÁC**

Công ty đã ký kết các hợp đồng để thực hiện công trình “Trạm khí hóa than” với tổng giá trị hợp đồng là 938.650 đô la Mỹ và 8.595.212.999 đồng, trong đó số tiền đã thanh toán cho nhà thầu đến ngày 30/6/2009 là khoảng 16,8 tỷ đồng.

Đối với dự án đầu tư Nhà máy Sản xuất Phôi thép tại Hải Phòng, đến ngày 30/06/2009, Công ty đã ký hợp đồng cam kết mua máy móc, trang thiết bị và các hợp đồng xây dựng với các nhà thầu với tổng trị giá khoảng 703 tỷ đồng, trong đó số còn phải thanh toán là khoảng 220 tỷ đồng.

**27. TÀI SẢN TIỀM TÀNG**

Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đang tiến hành các thủ tục pháp lý để giải quyết tranh chấp phát sinh với đối tác bán hàng của Công ty do đối tác bán hàng đã vi phạm các điều khoản giao hàng theo hợp đồng đã được hai bên ký kết. Theo kết luận bản án sơ thẩm của Tòa án, Công ty có thể thu được từ đối tác này số tiền khoảng 32 tỷ đồng. Tuy nhiên, kết quả cuối cùng còn tùy thuộc vào quyết định pháp lý cuối cùng của các cơ quan hữu quan.

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

**Từ ngày 01/01/2009  
đến ngày 30/06/2009  
VND**

<b>Doanh thu</b>	
Công ty Sông Đà 5	27.847.664.510
Xí nghiệp Sông Đà 10.6	149.189.560
Công ty Sông Đà 7	29.325.991.950
Công ty Sông Đà 6	
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	1.289.697.000
Công ty Cổ phần Cơ giới và xây lắp số 12	4.035.978.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	1.767.721.484
Xí nghiệp Sông Đà 6.03- Cty CP Sông Đà 6	1.625.610.432
Công ty Cổ phần Sông Đà 6.04	8.549.594.390
Chi nhánh Công ty Sông Đà 9.08	5.486.354.190
Xí nghiệp Sông Đà 10.5	1.293.504.400
Ban điều hành thủy điện Sơn La	

Chính sách giá bán cho các bên liên quan: Phương pháp giá không bị kiểm soát có thể so sánh được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	<b>30/06/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty Sông Đà 5	13.383.471.706	12.272.817.032
Công ty Cổ phần Sông Đà 5.05	1.818.896.185	
Xí nghiệp Sông Đà 6.03	4.655.501.070	5.029.890.638
Công ty Cổ phần Sông Đà 6.04	8.299.983.037	8.094.520.105
Công ty Sông Đà 7	22.649.803.242	15.954.124.772
Công ty TNHH 1 TV Sông Đà 908	1.999.892.762	1.017.508.679
Công ty Cổ phần Cơ giới & Xây lắp số 12	3.562.324.161	2.903.092.553
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	146.056.561	146.056.561
Công ty Cổ phần TM&VT Sông Đà	3.613.883.786	
Các bên liên quan khác	3.958.452.462	5.964.092.927
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty Sông Đà 12	773.124.761	773.124.761
Tổng Công ty Sông Đà	2.974.138	42.291.719

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

**Từ ngày 01/01/2009**  
**đến ngày 30/6/2009**  
**VND**

Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác

717.606.619

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 không có số liệu so sánh của cùng kỳ kế toán năm trước.